

PHÒNG GIÁO DỤC QUẬN PHÚ NHUẬN
TRƯỜNG TIỂU HỌC – THCS – THPT QUỐC TẾ
ĐỀ CHÍNH THỨC

Ngày thi :

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2022 – 2023
MÔN TOÁN – LỚP 6

Thời gian làm bài : 90 phút

(Không kể thời gian giao đề)

PHẦN I – TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm)

Câu 1. Cho tập hợp $N = \{ 6; 8; 0; 4; 7 \}$, có bao nhiêu phần tử trong tập hợp N

- A. 1 B. 4 C. 5 D. 0

Câu 2. Trong các số sau, số nào là số nguyên tố ?

- A. 10 B. 7 C. 12 D. 33

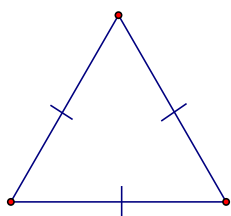
Câu 3. Số đối của -5 là:

- A. 5 B. -5 C. 0 D. 2

Câu 4 . Kết quả của phép tính $(-30) : 2$ là:

- A. 15 B. -15 C. -60 D. 60

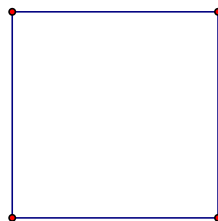
Câu 5. Hình nào dưới đây là hình thoi?



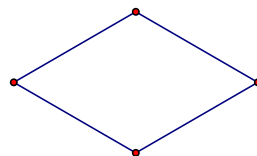
A



B



C



D

- A. Hình A B. Hình B C. Hình C D. Hình D

Câu 6. Dữ liệu nào không hợp lý trong các dữ liệu sau:

Bạc Liêu	Đắc – Lắc	Luân Đôn	Hà Nội
----------	-----------	----------	--------

Tên các tỉnh, thành phố của Việt Nam:

- A. Đắc – Lắc B. Luân Đôn
C. Hà Nội D. Bạc Liêu.

Câu 7. Nhà bạn Mai mở tiệm kem, bạn ấy muốn tìm hiểu về các loại kem yêu thích của 30 khách hàng trong sáng chủ nhật và thu được kết quả như sau:

Các loại kem được yêu thích

Loại kem	Kiểm đếm
Dâu	
Nho	
Sầu riêng	
Sô cô la	
Va ni	

Từ bảng kiểm đếm của bạn Mai, em hãy cho biết Mai đang điều tra về vấn đề gì?

- A. Người ăn kem nhiều nhất
- B. Số loại kem của nhà Mai hiện có
- C. Loại kem nhà Mai được khách hàng yêu thích
- D. Loại kem bán được trong 30 ngày

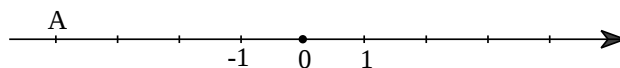
Câu 8. Cho $a = 3^2 \cdot 2 \cdot 5$ và $b = 2^4 \cdot 3 \cdot 7$. Tìm ƯCLN của a và b .

- A. $\text{ƯCLN}(a, b) = 3 \cdot 2$
- B. $\text{ƯCLN}(a, b) = 3^2 \cdot 2^4$
- C. $\text{ƯCLN}(a, b) = 7 \cdot 5$
- D. $\text{ƯCLN}(a, b) = 3^2 \cdot 2^4 \cdot 5 \cdot 7$

Câu 9. Nhiệt độ buổi sáng của phòng ướp lạnh là -9°C . Nhiệt độ buổi chiều của phòng ướp lạnh đó là bao nhiêu, biết nhiệt độ tăng 4°C so với buổi sáng?

- A. 13°C
- B. -5°C
- C. 5°C
- D. -13°C

Câu 10. Điểm A trong hình dưới đây biểu diễn số nguyên nào?



- A. -3.
- B. 3.
- C. -4.
- D. -5.

Câu 11. Cho tam giác đều ABC với $AB = 10$ cm. Độ dài cạnh BC là

- A. 10 cm.
- B. 12,5 cm.
- C. 20 cm.
- D. 15 cm.

Câu 12. Yếu tố nào sau đây không phải của hình thoi?

- A. Hai đường chéo vuông góc với nhau
- B. Có 4 cạnh bằng nhau
- C. Hai cặp cạnh đối diện song song với nhau
- D. Có 4 góc vuông.

PHẦN II – TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) a) Tính giá trị của biểu thức: $700 + \{5 \cdot [80 : (6 - 4 \cdot 5^0)] - 10^2\}$

b) Viết tập hợp các Ư(10)

Bài 2. (1,25 điểm) Một lớp học có 12 bạn nữ và 18 bạn nam. Các bạn muốn chia lớp thành các nhóm nhỏ gồm nam và nữ đều nhau. Hỏi có thể chia nhiều nhất bao nhiêu nhóm học sinh? Khi đó mỗi nhóm có bao nhiêu nam và bao nhiêu nữ ?

Bài 3. (0,75 điểm) Tìm x biết: $2x - 40 = - 60$

Bài 4. (1,5 điểm) Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng là 12 m và chiều dài là 16 m.

a) Tính diện tích khu vườn đó bằng m² ?

b) Người ta dự định xây tường rào cho khu vườn đó. Biết mỗi mét dài tường rào tốn 450 000 đồng. Hỏi cần bao nhiêu tiền để xây tường rào?

Bài 5. (2 điểm) Cho bảng số liệu điều tra số học sinh giỏi các tổ trong lớp 6A như sau :

		Tổ 1	Tổ 2	Tổ 3	Tổ 4
Số lượng	Học kỳ 1	3	2	6	1
	Học kỳ 2	5	4	6	8

a) Em hãy vẽ biểu đồ cột kép biểu diễn bảng số liệu trên.

b) Em hãy quan sát biểu đồ và cho biết :

- Tổng số học sinh giỏi của cả lớp trong học kỳ nào nhiều hơn ?
- Trong học kỳ 2 , tổ nào có nhiều học sinh giỏi nhất ?

-----Hết-----

(Thí sinh không sử dụng tài liệu . Giám thị không giải thích gì thêm)

Họ và tên thí sinh : Số báo danh :

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN TOÁN - LỚP 6

[illegible]

Một số yếu tố thống kê	Thu thập , phân loại dữ liệu	2 (Câu 6;7) 0,5 đ								25%
	Biểu diễn dữ liệu trên bảng									
	Vẽ biểu đồ , nhận xét.						2 (Câu 5a;5b) 2 đ			
Tổng điểm		2		0,5	1,5	0,5	5,5			10
Tỉ lệ %		20%		20%		60%				100%
Tỉ lệ chung		40%				60%				100%

II. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I, MÔN TOÁN –LỚP 6

ST T	Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ VÀ ĐẠI SỐ							
1	Số tự nhiên	<i>Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</i>	Nhận biết: – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	1TN (Câu 1)			
			Thông hiểu: – Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân.				

			Vận dụng: – Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách cho tập hợp.				
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.				
			Thông hiểu – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.				

			Vận dụng : – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).				
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	Nhận biết: – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. – Nhận biết được phân số tối giản.	1TN (Câu 2)			

			Thông hiểu : – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không. – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.		1 TN (Câu 8) 1TL (Câu 1b)		
			Vận dụng : – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...).			1TL (Câu 2)	

2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết: – Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. – Nhận biết được số đối của một số nguyên. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. – Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn.	1 TN (Câu 3)			
			Thông hiểu: – Biểu diễn được số nguyên trên trục số. – So sánh được hai số nguyên cho trước.	1 TN (Câu 10)			
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập	Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. Thông hiểu :				

		<i>hợp các số nguyên</i>	– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).		1 TL (Câu 1a)	2 TN (Câu 4;9)	
			<i>Vận dụng:</i> - Tìm x – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên (ví dụ: tính lỗ lãi khi buôn bán,...).			2 TL (Câu 3; 4)	
HÌNH HỌC TRỰC QUAN							
		Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	<i>Nhận biết:</i> – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 TN (Câu 11)			

3	Các hình phẳng trong thực tiễn		Thông hiểu: – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau).				
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	Nhận biết – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	2 TN (Câu 5;12)			
			Thông hiểu: – Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).				

			Vận dụng – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.				
4	Một số yếu tố thống kê		Nhận biết: - Biết thu thập và phân loại dữ liệu .	2 TN (Câu 6;7)			
			Thông hiểu : - Biết biểu diễn dữ liệu trên bảng - Biết đọc biểu đồ tranh				
			Vận dụng : - Biết vẽ biểu đồ cột , biểu đồ cột kép - Biết nêu nhận xét về biểu đồ.			2 TL (Câu 5a;b)	

ĐÁP ÁN CHẤM THI HỌC KỲ 1 – MÔN TOÁN LỚP 6

NĂM HỌC 2022 – 2023

Câu 1.		1,5 điểm
a)	Tính giá trị biểu thức : $700 + \{5 \cdot [80 : (6 - 4 \cdot 5^0)] - 10^2\}$ $= 700 + \{5 \cdot [80 : (6 - 4 \cdot 1)] - 100\}$ $= 700 + \{5 \cdot [80 : 2] - 100\}$ $= 700 + \{5 \cdot 40 - 100\}$ $= 700 + \{200 - 100\}$ $= 700 + 100 = 800$	1 điểm
b)	$U(10) = \{1;2;5;10\}$	0,5 điểm
Câu 2.	Gọi x là số nhóm có thể chia được . ($x \in \mathbb{N}^*$) Theo đề ta có : $12 : x$; $18 : x$ và x lớn nhất $\Rightarrow x = UCLN(12;18)$ $12 = 2^2 \cdot 3$ $18 = 2 \cdot 3^2$ $UCLN(12;18) = 2 \cdot 3 = 6 \Rightarrow x = 6 \text{ (nhóm)}$ Số nữ của mỗi nhóm là : $12 : 6 = 2$ (nữ) Số nam của mỗi nhóm là : $18 : 6 = 3$ (nam)	1,25 điểm
Câu 3.	$2x - 40 = - 60$ $2x = - 60 + 40$ $2x = - 20$ $x = - 20 : 2 = - 10$	0,75 điểm
Câu 4.		1,5 điểm
a)	Diện tích khu vườn là : $12 \cdot 16 = 192 \text{ (m}^2\text{)}$	0,5 điểm
b)	Chu vi khu vườn là: $(12 + 16) \cdot 2 = 56 \text{ (m)}$ Số tiền làm hàng rào là : $56 \cdot 200\,000 = 11\,200\,000 \text{ (đồng)}$	0,5 điểm 0,5 điểm
Câu 5.		2 điểm
a)	Vẽ được biểu đồ cột kép	1,5 điểm
b)	Trả lời đúng câu hỏi	0,5 điểm

